

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền
2. Bà Lê Thị Kim Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Trúc Th, sinh năm: 1986 (có mặt)

Trú tại: 02 đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Trú tại: 02 đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Tạ Thị Trúc Th trình bày:

- Bà và ông Nguyễn Hoàng B kết hôn và chung sống và kết hôn từ năm 2007 có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 183, ngày 20/7/2007, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là bà Th có mâu thuẫn, xung đột thường xuyên với chồng và gia đình bên chồng. Bà nhiều lần đề nghị sống riêng để giảm áp lực và tránh mâu thuẫn nhưng không được ông B chấp nhận. Bên cạnh đó, giữa vợ chồng sống gần 10 năm nhưng không có

con nên cuộc sống căng thẳng, bà cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy hai bên đã thực sự sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 đến nay. Nay bà Th thấy không còn tình cảm nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà Th khai không có

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có

*Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B không đến Tòa, không có bản tự khai.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa. Do ông B không đến nên Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án xét xử vắng mặt ông B.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có ông Nguyễn Văn Ngon phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, bà Tạ Thị Trúc Th có yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng B; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung, bà Th khai không có. Xét yêu cầu của bà Th, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận vì ông B không đến Tòa, các lần hòa giải ông B cũng không đến. Điều đó chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn của bà Tạ Thị Trúc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Tạ Thị Trúc Th có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng B. Bà Th với ông B chung sống và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do bị đơn ông B hiện cư trú tại 02 đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Qua xác minh nơi cư trú của ông B tại địa phương thì ông B vẫn cư trú tại số 02 đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa nhưng ông B vẫn không đến, Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017 nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, ông B vắng mặt không có lý do.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng:

Bà Tạ Thị Trúc Th và ông Nguyễn Hoàng B sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183, ngày 20/7/2007, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà Th, cuộc sống giữa vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do bà có mâu thuẫn trầm trọng với chồng và gia đình bên chồng. Bên cạnh đó, giữa bà và ông B thời gian chung sống đã lâu nhưng không có con càng tạo áp lực và bà cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do cuộc sống căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn.

Về phía ông B, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản, triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy ông B không còn tình cảm và không mong muốn đoàn tụ để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị Trúc Th.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Trúc Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Trúc Th ly hôn với ông Nguyễn Hoàng B.

- Về con chung: Bà Th khai không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Th phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026941 ngày 09/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

(Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn số 183, ngày 20/7/2007, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND phường B,
Quận T, Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim